

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

Bản án số: 50/2017/HS-ST
Ngày 13 tháng 9 năm 2017

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Duy Giá

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Bích Liên và ông Nguyễn Thiệu Minh.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Lan - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Bà Kiều Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 45/2017/HSST ngày 21 tháng 7 năm 2017 đối với bị cáo:

Vũ Tiến L, sinh năm 1990; tại: Thôn Y, Xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; con ông Vũ Hồng K, con bà Nguyễn Thị T1, vợ: Không; có 01 con, sinh năm 2011 với chị Lê Thị Thanh H (vợ đã ly hôn); tiền sự: không; tiền án: Có 02 tiền án:

- Tại Bản án số: 323/2011/HSST ngày 27/9/2011, Tòa án nhân dân huyện L1, thành phố Hà Nội xử phạt Vũ Tiến L 30 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. L chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/12/2013, án phí hình sự sơ thẩm nộp tháng 3/2012.

- Bản án số: 131/2014/HSST ngày 22/9/2014, Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt Vũ Tiến L 02 năm 03 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (trị giá tài sản chiếm đoạt là 23.163.738đ). L chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/10/2016, án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong hình sự chưa nộp.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 06/4/2017 cho đến nay, có mặt.

Người bị hại:

- Ông Đỗ Đình H1, sinh năm 1961; trú tại: thôn Q, xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

- Chị Trương Thị S1, sinh năm 1975; trú tại: thôn T2, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

- Anh Đoàn Văn C, sinh năm 1987; trú tại: thôn A, xã N, huyện N1, tỉnh Nam Định, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Lưu Văn S2, sinh năm 1975; trú tại: thôn T2, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị Kim Đ2, sinh năm 1961; nơi cư trú: thôn Q, xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị L2, sinh năm 1993; nơi cư trú: đường T3, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

- Anh Trần Quang N2, sinh năm 1973; nơi cư trú: đường V1, phường S3, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

- Anh Nguyễn Văn T4, sinh năm 1995; nơi cư trú: thôn L3, xã L4, huyện D, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt.

NHẬN THẤY

Bị cáo Vũ Tiến L bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Trong khoảng thời gian từ 16/3/2017 đến 24/3/2017, Vũ Tiến L đã thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố V, huyện T và huyện Đ1, tỉnh Vĩnh Phúc cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất:

Khoảng 22 giờ ngày 16/3/2017, L đi bộ một mình đến thôn Q - xã S - T, mục đích xem có ai sơ hở thì trộm cắp xe máy. Khi đến nhà anh Đỗ Đình T5, sinh năm 1986 ở thôn Q, L thấy 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu đen bạc, BKS: 88D1 - 081.65 của ông Đỗ Đình H1, (ông H1 là bố anh T5) để ở trong sân. Quan sát không thấy có người, L đến vị trí xe máy rồi dùng tô vít bằng kim loại dài khoảng 20cm, có chuôi cầm bằng nhựa, phần thân có hai đầu, 1 đầu 4 cạnh, 1 đầu bẹt (đem theo từ nhà) cắm vào ổ khóa điện rồi vặn thì mở được khóa điện, L dắt xe ra ngoài đường, nổ máy rồi điều khiển xe đi về thành phố V. Trên đường đi L kiểm tra phát hiện bên trong cốp xe có 01 đăng ký xe máy BKS: 88D1 - 081.65 mang tên Nguyễn Thị Kim Đ2; 01 sổ hộ khẩu, 01 thẻ bảo hiểm y tế và 01 thẻ Cựu chiến binh đều mang tên Đỗ Đình H1. L giữ lại đăng ký xe còn sổ giấy tờ trên L vứt bỏ trên đường. Sau đó L điều khiển xe đến phòng trọ của chị Nguyễn Thị L2 cầm cố cho chị L2 và lấy về chiếc xe Honda Wave, BKS: 88D1 - 208.42 trước đó L đã cầm cố để vay chị L2 số tiền 10.000.000đ nhưng chưa trả được. Khi cầm cố xe máy BKS: 88D1 - 081.65 L đưa cho chị L2 đăng ký xe máy BKS: 88D1 - 081.65 mang tên Nguyễn Thị Kim Đ2 và hai bên viết giấy biên nhận nội dung nếu đến hạn mà L không trả số tiền 10.000.000đ thì chị L2 có quyền bán chiếc xe trên. Sau quá hạn nhiều ngày L không đến trả tiền và không liên lạc được với L nên ngày 02/4/2017 chị L2 đã bán xe Honda Wave, BKS: 88D1 - 081.65 cho anh Trần Quang N2 với giá 10.000.000đ. Khi anh N2 mua xe của chị L2 hai bên viết giấy tờ mua bán. Đối với ông Đỗ Đình H1, sau

khi phát hiện bị mất xe ông H1 đã trình báo sự việc tại cơ quan điều tra (BL: 206-207, 208-209, 228-231, 236).

Ngày 06/4/2017, anh Trần Quang N2 giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Vĩnh Phúc 01 xe máy Honda Wave, BKS: 88D1 - 081.65, đăng ký xe BKS: 88D1 - 081.65 mang tên Nguyễn Thị Kim Đ2 và 01 giấy bán xe đề ngày 02/4/2017. Cùng ngày Cơ quan điều tra đã khám xét khẩn cấp nơi ở trọ của Vũ Tiến L ở G - phường K - V - Vĩnh Phúc, kết quả khám xét tạm giữ 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu trắng, đen, BKS: 88D1 - 208.42 (BL: 63- 64, 121).

Ngày 12/4/2017, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Vĩnh Phúc ra Quyết định trưng cầu định giá tài sản đối với xe máy Honda Wave, BKS: 88D1 - 081.65. Tại bản kết luận định giá tài sản số 733 ngày 10/5/2017 Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng Hình sự tỉnh Vĩnh Phúc kết luận trị giá chiếc xe là 9.500.000đ (BL: 109-111).

Đối với xe máy Honda Wave, BKS: 88D1 - 081.65 đăng ký mang tên Nguyễn Thị Kim Đ2, quá trình điều tra xác định gia đình ông Đỗ Đình H1 mua mới năm 2012, đăng ký mang tên bà Nguyễn Thị Kim Đ2 (vợ ông H1). Ngày 29/6/2017 Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã trả cho ông H1 chiếc xe trên và đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị Kim Đ2. Sau khi nhận lại tài sản ông H1 không yêu cầu Vũ Tiến L phải bồi thường về dân sự. Đối với 01 sổ hộ khẩu, 01 thẻ bảo hiểm y tế và 01 thẻ Cựu chiến binh, ông H1 không yêu cầu L phải trả lại (BL: 163).

Đối với xe máy Honda Wave màu trắng, đen BKS: 88D1 - 208.42, đăng ký mang tên Lê Thị Thanh H, trú tại thôn C - B - T - Vĩnh Phúc, quá trình điều tra xác định chị H (là vợ đã ly hôn của Vũ Tiến L) mua mới và đăng ký chính chủ, chị H cho L mượn làm phương tiện đi lại, vì vậy ngày 30/6/2017, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã trả cho chị H. Sau khi nhận lại tài sản chị H không có yêu cầu, đề nghị gì (BL: 165).

Đối với chị Nguyễn Thị L2, quá trình điều tra xác định khi cho Vũ Tiến L cầm cố xe máy BKS: 88D1 - 081.65, chị L2 không biết là xe do L trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý. Chị L2 yêu cầu L phải trả cho chị số tiền 10.000.000đ.

Đối với anh Trần Quang N2, quá trình điều tra xác định khi mua xe máy BKS: 88D1 - 081.65, anh N2 không biết là tài sản do người khác phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý. Đối với số tiền 10.000.000đ anh N2 trả cho chị Nguyễn Thị L2 khi mua xe máy BKS: 88D1 - 081.65, anh N2 yêu cầu chị L2 và L phải trả cho anh số tiền 5.000.000đ, số tiền 5.000.000đ còn lại anh N2 sẽ tự chịu trách nhiệm. Do L không liên quan gì đến việc anh N2 đưa tiền cho chị L2 nên cần buộc chị L2 phải bồi thường cho anh N2 số tiền 5.000.000đ.

Vụ thứ hai:

Khoảng 12 giờ ngày 21/3/2017, L đi bộ một mình đến thôn T2 - xã Đ - Đ1 - Vĩnh Phúc, mục đích xem có ai sơ hở thì trộm cắp xe máy. Khi đi đến đoạn đường tỉnh lộ 302 thuộc thôn T2, L phát hiện xe máy hiệu HONDA Dream, màu nâu, BKS: 88E1 - 025.01 của chị Trương Thị S1 để ở ven đường. Quan sát không thấy có người, L đến vị trí xe máy rồi dùng tời vít đem theo cắm vào ổ khóa điện và vặn thì mở được khóa điện, L nổ máy rồi điều khiển xe về thành phố V. Trên đường đi L tháo 02 gương chiếu hậu, biển kiểm soát, yếm và giỏ xe vứt trên đường. Đến ngày 23/3/2017 L đem chiếc xe trên đến nhà anh Nguyễn Văn T4 cầm cố để vay anh T4 số tiền 5.500.000đ, khi cầm cố hai bên không viết giấy tờ gì. Sau đó anh T4 lắp BKS: 29X1 - 22.159 vào xe (biển kiểm soát này anh T4 khai đã nhặt được thời gian trước đó) và để xe ở nhà rồi xuống thành phố V làm lái xe taxi. Đối với chị Trương Thị S1, sau khi phát hiện mất xe chị S1 đã trình báo sự việc tại cơ quan điều tra (BL: 210-213, 242-245, 279-283).

Ngày 06/4/2017, anh Lưu Văn S2, sinh năm 1975 trú tại thôn T2 - xã Đ - T - Vĩnh Phúc (là chồng chị Trương Thị S1) giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 đăng ký xe máy BKS: 88E1 - 025.01 mang tên Lưu Văn S2 để phục vụ quá trình điều tra (BL 124).

Ngày 07/4/2017 anh Nguyễn Văn T4 giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 xe máy nhãn hiệu Honda Dream, màu nâu, gắn BKS: 29X1- 221.59 có số khung: 0804AY125848, số máy HA08E1425859, xe không có yếm, không có gương chiếu hậu, không có giỏ xe (BL: 123).

Ngày 12/4/2017, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Vĩnh Phúc ra Quyết định trưng cầu định giá tài sản đối với xe máy nhãn hiệu Honda Dream, màu nâu có số khung: 0804AY125848, số máy HA08E1425859. Tại bản kết luận định giá tài sản số 731 ngày 10/5/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Vĩnh Phúc kết luận trị giá chiếc xe là 12.000.000đ (BL: 113-115).

Đối với xe máy nhãn hiệu Honda Dream, có số khung 0804AY125848, số máy HA08E1425859, quá trình điều tra xác định tháng 7/2011 gia đình chị Trương Thị S1 mua mới sau đó đăng ký xe biển kiểm soát 88E1 - 025.01 mang tên anh Lưu Văn S2 (chồng chị S1). Ngày 29/6/2017 Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã trả cho chị Trương Thị S1 chiếc xe trên và đăng ký xe máy BKS: 88E1 - 025.01 mang tên Lưu Văn S2. Đối với hai gương chiếu hậu, yếm, giỏ và biển kiểm soát xe, chị S1 không yêu cầu L phải bồi thường (BL: 164).

Đối với biển kiểm soát 29X1 - 221.59, quá trình điều tra xác định là vật chứng của vụ trộm cắp tài sản xảy ra tại thị trấn Q1 - huyện Q3 - tỉnh Thanh Hóa nên Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Vĩnh Phúc tiếp tục tạm giữ để bàn giao cho cơ quan CSĐT Công an huyện Q3 giải quyết theo thẩm quyền.

Đối với anh Nguyễn Văn T4, quá trình điều tra xác định khi cho Vũ Tiến L cầm cố xe anh T4 không biết là tài sản do L trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý. Đối với số tiền 5.500.000đ anh T4 cho L vay khi nhận cầm cố xe, anh T4 yêu cầu L phải bồi thường cho anh T4 số tiền trên.

Vụ thứ 3:

Khoảng 12h30 phút ngày 24/3/2017, Vũ Tiến L đi bộ một mình trên địa bàn phường K - thành phố V, mục đích xem có ai sơ hở thì trộm cắp xe máy. Khi đi qua dãy nhà cho thuê trọ của gia đình ông Hoàng Ngọc Ng, sinh năm 1955 ở đường T3 - phường K, L thấy trong sân nhà trọ để khoảng 4 - 5 chiếc xe máy. Quan sát thấy không có người, L đi vào trong sân, đến vị trí xe máy nhãn hiệu YAMAHA Taurus, màu đỏ - đen, BKS: 30H7 - 2016 của anh Đoàn Văn C để ở bên ngoài cùng. L dùng tô vít đem theo cắm vào ổ khóa điện và vặn thì mở được khóa điện, L dắt xe ra ngoài đường, nổ máy rồi điều khiển xe đi. Sau đó L sử dụng chiếc xe này làm phương tiện đi lại. Đối với anh Đoàn Văn C, sau khi phát hiện mất xe, anh Chiên đã trình báo sự việc tại cơ quan Công an (BL: 192-193, 258-259).

Ngày 06/4/2017 Cơ quan điều tra đã tiến hành tạm giữ của Vũ Tiến L xe máy nhãn hiệu YAMAHA Taurus, màu đỏ - đen, BKS: 30H7 - 2016 (BL: 73).

Ngày 03/4/2017, Cơ quan CSĐT Công an thành phố V ra Quyết định trưng cầu định giá tài sản đối với xe máy nhãn hiệu YAMAHA Taurus, BKS: 30H7 - 2016. Tại bản Kết L2 định giá tài sản số 57 ngày 10/4/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố V kết L2 trị giá chiếc xe là 4.500.000đ (BL: 116 - 119).

Ngày 05/4/2017, Công an phường K tiến hành kiểm tra tạm trú tại khu nhà trọ ở đường T3 thuộc phường K - thành phố V, tại phòng trọ số 11 có Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1995, hộ khẩu thường trú ở B - T và Nguyễn Xuân Th, sinh năm 1996, hộ khẩu thường trú ở xã S - T. Tại thời điểm kiểm tra Ch và Th không xuất trình được giấy tạm trú và giấy tờ của xe máy Honda Dream màu nâu BKS: 88K9 - 3795 có số khung 535233, số máy 535233 và xe máy Honda Dream màu nâu, BKS: 88D1 - 263.08 có số khung 203731, số máy 1504097 đang để ở phòng. Vì vậy Công an phường K đã tạm giữ hai chiếc xe trên.

Đối với xe máy nhãn hiệu YAMAHA Taurus, BKS: 30H7 - 2016 đăng ký mang tên Vũ Viết I trú tại phố Kh - phường O - Hà Nội. Quá trình điều tra xác định ngày 07/02/2017 anh Đoàn Văn C mua tại cửa hàng xe máy E ở phố U1 - Quận U2 - Hà Nội, chủ cửa hàng là anh Lê Văn E1, theo anh E1 chiếc xe trên anh Vũ Viết I đã bán cho anh. Qua xác minh tại nơi ở không xác định được hiện anh I đang ở đâu, làm gì. Tuy nhiên qua kết quả tra cứu xe máy vật chứng xác định xe máy nhãn hiệu YAMAHA Taurus, BKS: 30H7 - 2016 không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng. Vì vậy ngày 30/6/2017, Cơ quan CSĐT Công an

tỉnh Vĩnh Phúc đã trả cho anh C chiếc xe trên. Sau khi nhận lại tài sản anh C không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự (BL: 162).

Đối với xe máy Honda Dream màu nâu có số khung 203731, số máy 1504097, quá trình điều tra xác định Vũ Tiến L trộm cắp ở địa bàn xã Tuân Lộ - huyện D - tỉnh Tuyên Quang rồi bán cho Nguyễn Văn Ch nên Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã bàn giao cho Cơ quan CSĐT Công an huyện D chiếc xe trên để giải quyết theo thẩm quyền.

Đối với biển kiểm soát: 88D1 - 263.08, Nguyễn Văn Ch khai anh Nguyễn Thanh X, sinh năm 1987 ở thôn B1 - B - T - Vĩnh Phúc cho Ch để gắn vào xe máy Dream Ch đã mua của L. Qua xác minh tại địa phương không xác định được hiện anh X đang ở đâu, làm gì. Qua tra cứu phương tiện giao thông cơ giới đường bộ xác định là đăng ký của xe máy nhãn hiệu Yamaha Exciter có số khung RLCUG0610FY064017, số máy G3D4E072323 chủ xe là anh Nguyễn Tiến Q2, sinh năm 1987 ở thôn S4 - xã H2 - T. Tuy nhiên qua xác minh tại địa phương không xác định được hiện anh Q2 và gia đình anh Q2 đang ở đâu, làm gì nên Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ để xác minh, điều tra khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Đối với xe máy Honda Dream BKS: 88K9 - 3795 có số khung 535233, số máy 535233, đăng ký mang tên Nguyễn Văn Đ3 ở xã S - T - Vĩnh Phúc, quá trình điều tra xác định chủ sở hữu là anh Đ3, anh Đ3 cho anh Nguyễn Xuân Th (là em trai anh Đ3) mượn làm phương tiện đi lại, không liên quan đến hành vi phạm tội. Do anh Đ3 không có mặt tại địa phương nên ngày 30/6/2017 Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã trả chiếc xe trên cho anh Thao (BL: 166).

Đối với chiếc tô vít Vũ Tiến L sử dụng để phá khóa khi thực hiện hành vi trộm cắp 3 chiếc xe máy nêu trên, L khai trước đó nhặt được trên đường, sau khi trộm cắp xe máy L vứt bỏ ở đâu L không nhớ nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Tại Cáo trạng số: 48/KSĐT-P3 ngày 20/7/2017, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố Vũ Tiến L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Vũ Tiến L khai nhận phù hợp với nội dung Cáo trạng như đã nêu trên.

Tại phiên tòa, bị cáo Vũ Tiến L vẫn khai nhận như đã khai tại Cơ quan điều tra, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn T4 yêu cầu L phải bồi thường cho anh 5.500.000 đồng, anh Trần Quang N2 yêu cầu chị L2 phải bồi thường cho anh 5.000.000 đồng. Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị L2 yêu cầu L phải bồi thường cho chị 5.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS phạt bị cáo Vũ Tiến L từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù và đề nghị giải quyết phần bồi thường dân sự theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY

Lời khai nhận tội của bị cáo Vũ Tiến L tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của người bị hại, người làm chứng về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Trong khoảng thời gian từ 16/3/2017 đến 24/3/2017, Vũ Tiến L đã thực hiện 3 vụ trộm cắp tài sản với giá trị chiếm đoạt là 26.000.000đ, cụ thể như sau:

Vụ 1: Khoảng 22 giờ ngày 16/3/2017, Vũ Tiến L đã dùng tô vít phá ổ khóa điện trộm cắp 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu đen bạc, BKS: 88D1 - 081.65 của ông Đỗ Đình H1 tại sân nhà anh Đỗ Đình T5 ở thôn Q - xã S - T - Vĩnh Phúc, trị giá chiếc xe là 9.500.000đ.

Vụ 2: Khoảng 12 giờ ngày 21/3/2017, L đã dùng tô vít phá ổ khóa điện trộm cắp 01 xe máy nhãn hiệu Honda Dream màu nâu, BKS: 88E1 - 025.01 của chị Trương Thị S1 tại đường Tỉnh lộ 302 thuộc thôn T2 - xã Đ - huyện Đ1 - Vĩnh Phúc, trị giá chiếc xe là 12.000.000đ.

Vụ 3: Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 24/3/2017, L đã dùng tô vít phá ổ khóa điện trộm cắp 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha Taurus màu đỏ đen, BKS: 30H7 - 2016 của anh Đoàn Văn C tại khu nhà trọ của gia đình ông Hoàng Ngọc Ng ở đường T3 - phường K - thành phố V - tỉnh Vĩnh Phúc, trị giá chiếc xe là 4.500.000đ.

Hành vi trên của Vũ Tiến L là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, gây tâm lý hoang mang, bất bình trong nhân dân, trong khi bản thân L đã tái phạm chưa được xóa án tích, nay lại phạm tội, L thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” là tình tiết định khung hình phạt. Vì vậy, căn cứ điểm c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự để xử lý đối với Vũ Tiến L.

Điều luật đó quy định:

“2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù hai năm đến bảy năm”

...

c. Tái phạm nguy hiểm”

Xét nhân thân, tính chất mức độ nghiêm trọng của tội phạm , các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo Vũ Tiến L, sinh năm 1990, năm nay 27 tuổi, phát triển bình thường về thể chất và trí tuệ, bản thân có sức khỏe và có hiểu biết nhất định về pháp luật, nhưng không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân để làm ăn chân chính và hướng thiện. Năm 2008 L mới 17 năm 02 tháng 17 ngày tuổi đã phạm tội “cưỡng đoạt tài sản”. Bản án này L đã thi hành xong và đã được xóa án tích, ngoài hai tiền án là Bản án số 323/2011/HSST ngày 27/9/2011 của Tòa án nhân dân huyện L1, Hà Nội và Bản án số 131/2014/HSST ngày 22/9/2014 của Tòa án nhân dân thành phố V, Vĩnh Phúc để tính tái phạm cho bị cáo thì ngày 23 tháng 8 năm 2017 bị cáo còn bị Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 02 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” - Tại Bản án số 54/2017/HSST (Bản án chưa có hiệu lực pháp luật) cho thấy bị cáo có nhân thân xấu, trong khoảng thời gian từ 16/3/2017 đến 24/3/2017 bị cáo đã 03 lần trộm cắp tài sản do vậy bị cáo còn phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS là “phạm tội nhiều lần” trong khi đó bị cáo chỉ có một tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Xét tính chất của vụ án, cân đối các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù một thời gian tương xứng với tội phạm mà bị cáo gây ra mới có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện, người công dân có ích cho xã hội.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa chị L2 yêu cầu L phải trả chị 5.000.000 đồng đây là số tiền L cầm của chị L2 khi L đem cầm cố chiếc xe moto BKS 88D1- 208.42 là 10.000.000 đồng nay chị chỉ yêu cầu L trả chị 5.000.000 đồng, sau đó L lại đem chiếc xe moto BKS 88D1 - 08165 cầm cố cho chị L2 để rút chiếc xe moto BKS 88D1 - 208.41. Hết thời hạn cầm cố L không đến trả tiền chuộc xe nên chị đã bán chiếc xe đó cho anh N2 giá 10.000.000 đồng; chiếc xe HONDA Dream BKS: 88E1 - 025.01 của chị S1 mà L trộm cắp, L đã bán cho anh Nguyễn Văn T4 với giá 5.500.000 đồng nay những xe trên Cơ quan điều tra sau khi thu giữ đã trả cho người bị hại, anh N2 đề N2 Tòa chỉ buộc L, chị L2 trả anh 5.000.000 đồng còn 5.000.000 đồng anh không yêu cầu, để đảm bảo quyền lợi cho chị L2, anh N2 và anh T4, cần áp dụng khoản 1 điều 42 BLHS, khoản 1 điều 584, khoản 1 điều 585, khoản 1 điều 586 BLDS năm 2015: Tuyên buộc Vũ Tiến L phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị L2 số tiền 5.000.000đ, bồi thường cho anh Nguyễn Văn T4 số tiền 5.500.000đ;

chị Nguyễn Thị L2 phải bồi thường cho anh Trần Quang N2 số tiền 5.000.000đ (tiền này chị L2 bán xe cho anh N2 chứ không phải L bán, nên chị L2 phải trả anh N2). Khi người được thi hành án có đơn thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành khoản tiền phải thi hành án thì người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

Về tang tài vật của vụ án: Cơ quan điều tra đã thu giữ và trả ông Đỗ Đình H1 xe máy Honda Wave BKS: 88D1 - 081.65 và 01 đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị Kim Đ2; trả chị Trương Thị S1 xe máy Honda Dream có số khung 0804AY125848, số máy HA08E1425859 và đăng ký xe mang tên Lưu Văn S2; trả anh Đoàn Văn C xe máy Yamaha BKS: 30H7 - 2016; trả chị Lê Thị Thanh H xe máy Honda Wave BKS: 88D1 - 208.42 và trả anh Nguyễn Xuân Th xe máy Honda Dream BKS: 88K9 - 3795 là đúng quy định của pháp luật, sau khi nhận lại tài sản những người kể trên không có ý kiến khiếu nại, Tòa không xem xét.

Về hai biển kiểm soát: 88D1 - 263.08 và biển kiểm soát: 29X1 - 221.59 và các vật chứng khác quan điểm xử lý như Cáo trạng trong vụ án là phù hợp.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự trong vụ án hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Vũ Tiến L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự 1999. Xử phạt bị cáo Vũ Tiến L: 03 (ba) năm 03(ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 06/4/2017.

Áp dụng khoản 1 điều 42 BLHS, khoản 1 điều 584, khoản 1 điều 585 BLDS năm 2015: Buộc Vũ Tiến L phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị L2 số tiền 5.000.000đ, bồi thường cho anh Nguyễn Văn T4 số tiền 5.500.000đ; chị Nguyễn Thị L2 phải bồi thường cho anh Trần Quang N2 số tiền 5.000.000đ. Kể từ khi người được thi hành án có đơn xin thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành khoản tiền phải thi hành án thì người phải thi hành án hàng tháng còn phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; N2 quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Vũ Tiến L phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 525.000đ (Năm trăm hai lăm nghìn đồng) án phí dân sự trong vụ án hình sự. Chị L2 phải chịu 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự trong vụ án hình sự.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc;
- Người tham gia tố tụng;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa hình sự, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Duy Giá